

VẤN ĐỀ NỮ QUYỀN VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG TRIẾT HỌC CỦA JOHN STUART MILL

Nguyễn Thị Xiêm

Khoa Sư phạm, Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt. Nữ quyền là một trào lưu triết học - chính trị xuất hiện ở phương Tây thế kỉ XIX đấu tranh cho những quyền chính trị và tự do cơ bản của nữ giới. Đến giữa thế kỉ XX, vấn đề này chính thức được pháp điển hóa trong Hiến chương Liên hiệp quốc, nữ quyền trở thành một phần quan trọng của nhân quyền. Vì vậy, nghiên cứu lí thuyết này có ý nghĩa rất lớn trong việc hoàn thiện lí luận về nữ quyền và góp phần thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay. Trong phạm vi bài viết, tác giả nghiên cứu tư tưởng nữ quyền và bình đẳng của John Stuart Mill trong một số tác phẩm; từ đó ra những ý nghĩa của tư tưởng đó và liên hệ với việc thực hiện bình đẳng giới và quyền của phụ nữ ở Việt Nam hiện nay

Từ khóa: nữ quyền, bình đẳng giới, triết học John Stuart Mill.

1. Mở đầu

Lí thuyết nữ quyền xuất hiện lần đầu được nhà tư tưởng người Anh, Mary Wollstonecraft đề cập trong tác phẩm “Vi quyền của nữ giới” (A Vindication of the Rights of Women, 1794). Đây được coi là bản bản tuyên ngôn nữ quyền đầu tiên. Tuy nhiên, đến cuối thế kỉ XIX, phong trào đấu tranh cho bình đẳng quyền lợi giữa nữ giới mới thực sự diễn ra mạnh mẽ tại các nước phương Tây. Trước hết, các nhà hoạt động đấu tranh mở ra các cơ hội mới cho phụ nữ, trước hết là quyền bầu cử. Trong lịch sử tư tưởng nhân loại có nhiều tác gia bàn về vấn đề này, tiêu biểu có John Stuart Mill (1806 – 1873). Là “nhà tư tưởng nổi tiếng và lừng danh nhất vào thời đại Victoria” [1], những tác phẩm của ông mang đậm phong cách điển hình của phương Tây thế kỉ XIX về tự do cá nhân. Tư tưởng tự do cá nhân của John Stuart Mill mang tính bao quát, hướng đến mọi con người cá nhân, cả nam giới cũng như nữ giới. Từ luận điểm nền tảng là tự do cá nhân, John Stuart Mill quan tâm đến sự bình đẳng giới, giải phóng người phụ nữ như một vấn đề cần thiết của tiến bộ xã hội. Những đóng góp tư tưởng của John Stuart Mill để lại dấu ấn rõ rệt trong triết học phương Tây cận đại.

Từ những năm 1980, nhà xuất bản Đại học Toronto (University of Toronto Press) đã xuất bản một số tác phẩm của John Stuart Mill, ấn hành lần đầu là bộ “Toàn tập của John Stuart Mill” (The Collected Works of John Stuart Mill), gồm 33 tập. Các tác giả đã trình bày được một cách đầy đủ toàn bộ tác phẩm của John Stuart Mill, trong đó có những tác phẩm đã được xuất bản riêng lẻ. Đây là một nguồn tài liệu tham khảo quan trọng để có thể tiếp cận triết học của John Stuart Mill, trong đó có triết học về nữ quyền và bình đẳng giới. John Stuart Mill và các tư tưởng triết học của ông luôn là nguồn cảm hứng bất tận cho học giả trên thế giới kế thừa và luận bàn. Tuy nhiên, ở Việt Nam, tên tuổi và các tác phẩm của John Stuart Mill vẫn còn mới mẻ. Trong số các tác phẩm của John Stuart Mill, hiện nay chỉ có hai tác phẩm được dịch ra tiếng

Việt. Đó là *Bàn về tự do* và *Chính thể đại diện*. Đây chính là tài liệu quan trọng, hỗ trợ trực tiếp cho quá trình nghiên cứu về John Stuart Mill và các quan điểm triết học của ông về nữ quyền và bình đẳng giới. Việc nghiên cứu những tư tưởng tiên bộ của John Stuart Mill về vấn đề nữ quyền và bình đẳng giới là công việc nhằm chất lọc những giá trị, tinh hoa văn hóa của nhân loại.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở hình thành tư tưởng nữ quyền và bình đẳng giới của John Stuart Mill

John Stuart Mill là một nhà triết học và là nhà hoạt động chính trị nổi tiếng ở nước Anh. Tư tưởng của ông về quyền của phụ nữ mang đậm dấu ấn Anh ở thế kỉ XIX. Hay nói cách khác, bối cảnh kinh tế - xã hội Anh thời đại Victoria đã tác động sâu sắc đến sự hình thành tư tưởng đó của John Stuart Mill.

Thế kỉ XIX, cách mạng công nghiệp làm sự thay đổi cơ bản các điều kiện kinh tế - xã hội, văn hóa và kĩ thuật, xuất phát từ Anh quốc sau đó lan tỏa ra toàn thế giới. Cuộc cách mạng công nghiệp ở nước Anh được bắt đầu và diễn ra mạnh mẽ ở ngành công nghiệp may mặc. Những phát minh kĩ thuật đầu tiên xuất hiện trong ngành dệt đó là “Thoi bay” do Jonh Kay phát minh, làm cho dệt nhanh hơn, rộng hơn. Năm 1767, James Hargreavers chế tạo ra máy kéo sợi 16 đến 18 cọc đầu tiên có tên là Jenny, sau đó nó được nhiều nhà phát minh khác cải tiến cho chất lượng và hiệu quả cao hơn. Cho đến năm 1785, chiếc máy dệt đầu tiên ra đời do Cartwright phát minh tạo ra một cuộc cách mạng trong ngành dệt. Cùng với cải tiến máy móc thì kĩ thuật nhuộm màu in hoa cũng đạt được những tiến bộ lớn, góp phần củng cố địa vị trong ngành dệt. Đây là khởi đầu quá trình công nghiệp hoá ở nước Anh. “Nhờ có những phát minh về sau mỗi năm một hoàn thiện ấy lao động máy móc đã thắng lao động chân tay trong các ngành chủ yếu ở công nghiệp Anh” [2]. Quá trình công nghiệp hóa diễn ra mạnh mẽ giúp cho kinh tế nước Anh phát triển, làm thay đổi căn bản diện mạo nước Anh “như một chiếc gậy thần nó đã làm mọc lên những thành phố khổng lồ như Li-vo-pun và Man-se-xto gồm đến 70 vạn dân và các vùng ngoại ô: Bôn-ton (6 vạn dân), A-ston và Xtê-li-brit-giơ (4 vạn dân) và cả một loạt thành phố công xưởng khác” [2]. Như vậy, cuộc cách mạng công nghiệp đã tạo ra một sự phát triển thịnh vượng về kinh tế của nước Anh. Thành tựu của cuộc cách mạng đó đã làm giảm sức lao động cơ bắp của con người, khiến cho quyền năng của con người lớn hơn. Con người ngày càng ý thức được các quyền và tự do cá nhân. Trong điều kiện như vậy, những học thuyết về tự do được hình thành, trong đó có vấn đề nữ quyền trong triết học của John Stuart Mill.

Cách mạng công nghiệp cũng làm biến đổi kết cấu xã hội nước Anh một cách rõ rệt. Xét góc độ giới, vị trí và vai trò của người phụ trong đời sống kinh tế - xã hội của nước Anh có sự thay đổi. Cụ thể, với sự phát triển sản xuất bằng máy móc ngày càng loại bỏ những người công nhân là đàn ông ra khỏi quá trình sản xuất: “toàn bộ lịch sử sau đó của nền công nghiệp Anh chỉ là thuật lại tình hình người lao động thủ công đã bị máy móc đánh bật khỏi hết vị trí này đến vị trí khác” [2], “lao động thủ công hầu như chỗ nào cũng bị máy móc loại bỏ” [2]. Về kéo sợi, hay trong các công xưởng dệt, công việc đứng máy bấy giờ chủ yếu là nối sợi đứt, còn mọi việc khác đều do máy làm, để làm việc ấy không cần có sức lực nhưng đòi hỏi sự khéo tay. Cho nên, đối với những công việc ấy, đàn ông không những không cần thiết do sự phát triển của bấp thịt về xương bàn tay của họ, thậm chí không còn thích hợp bằng phụ nữ và trẻ con. Mặt khác, để tiết kiệm chi phí, những ông chủ tư sản cũng muốn thuê người lao động là nữ và trẻ em hơn những người đàn ông. Trước tình trạng đó, buộc phụ nữ và trẻ em cũng phải tìm kiếm việc làm. Trong “*Tình hình công nghiệp công xưởng của Anh*”, C.Mác đưa ra những số liệu cho thấy sự thay đổi giữa tỉ lệ lao động là nam và nữ trong một số công xưởng ở Xcôt-len trong năm 1835 và năm 1857 [3]:

Năm	Công xưởng	Số công nhân		
		Nam	Nữ	Tổng cộng
1835	Các loại xưởng dệt vải bông	10529	22051	32580
1857	159	7609	27089	34698
	Xưởng dệt len			
1835	90	1712	1793	3505
1857	196	4942	4338	9280
	Xưởng dệt vải lanh			
1835	170	3392	10017	13409
1857	168	8331	83991	92322

Nếu như trước đây, người phụ nữ chỉ quanh quẩn những việc trong gia đình thì nay phải lao động với một cường độ căng thẳng thậm chí chấp nhận cả những công việc nặng nhọc, nguy hiểm ở nhà máy để mưu sinh. Thậm chí có những người phụ nữ chỉ sau ba, bốn ngày sinh đẻ đã phải trở lại công xưởng làm việc. Dĩ nhiên, họ đành phải bỏ đứa con ở nhà. Tranh thủ thời gian nghỉ ngơi ít ỏi, họ vội vàng chạy về cho con ăn, bản thân cũng ăn qua loa một chút gì đó. Những dữ kiện lịch sử trên cho thấy phụ nữ là nạn nhân bị bóc lột thậm tệ nhất trong cuộc cách mạng công nghiệp này. Mặt khác, điều đó cũng cho thấy được vai trò kinh tế của các thành viên trong gia đình đã thay đổi, kéo theo đó là sự thay đổi vị trí, vai trò của người phụ nữ trong gia đình và xã hội. Đây chính là cơ sở thực tế khiến cho John Stuart Mill đặc biệt quan tâm vấn đề quyền của phụ nữ trong các tác phẩm của ông.

Xuất phát từ triết học lí thuyết của John Stuart Mill là dựa trên thế giới quan của chủ nghĩa duy nghiệm duy cảm và logic quy nạp, cho nên mọi vấn đề, trong đó có nữ quyền được ông xuất phát từ hiện thực cảm tính để bàn luận. Như vậy, vấn đề nữ quyền trong triết học của John Stuart không hẳn là một phạm trù triết học thuần túy mà ông tiếp cận nó dưới các quyền tự do cụ thể trong đời sống xã hội. Điều đó tạo nên nét đặc sắc của triết học John Stuart Mill trong dòng chảy của lịch sử tư tưởng nhân loại.

2.2. Tư tưởng của John Stuart Mill về bình đẳng giới và quyền của phụ nữ

2.2.1. Phụ nữ hoàn toàn bình đẳng với người chồng về địa vị và các quyền trong quan hệ hôn nhân và gia đình

Trong quan hệ hôn nhân, John Stuart Mill cho rằng cần phải xóa bỏ khoảng cách về giới ngay trong quan hệ hôn nhân để có thể đem lại sự bình đẳng cho phụ nữ. Vì thế, ông coi hôn nhân là nút thắt đầu tiên cần tháo gỡ “Vấn đề không phải hôn nhân nên là gì, mà một vấn đề rộng hơn rằng phụ nữ nên là gì... Việc xác định hôn nhân là mối quan hệ giữa hai con người ngang bằng nhau, hay là mối quan hệ giữa bề trên và kẻ dưới, giữa người bảo vệ và kẻ phụ thuộc sẽ giúp giải quyết dễ dàng mọi vấn đề khác” [4]. John Stuart Mill tố cáo hôn nhân là nơi ẩn nấp của sự áp bức phụ nữ, là bức tường vô hình kiềm tỏa tự do của họ. Về vấn đề này, John Stuart Mill đã tiếp nối ý tưởng Mary Wollstonecraft. Trong tác phẩm “*Sự xác minh những quyền của phụ nữ*”, Mary Wollstonecraft chế nhạo hôn nhân là là thiết chế trấn áp phụ nữ, là một “nạn mại dâm hợp pháp” (legal prostitution) mà ở đó người phụ nữ là những nô lệ. Điều này cũng được John Stuart Mill trình bày trong tác phẩm “*Bàn về tự do*” khi ông lên án chế độ đa thê. John Stuart Mill cho rằng phụ nữ là nạn nhân của chế độ đó, dù phần nhiều trong số họ là những nạn nhân tự nguyện. Sự tự nguyện và cam chịu của phụ nữ xuất phát từ định kiến xã hội. Các quan niệm và tập quán chung của thế giới cho rằng với phụ nữ, hôn nhân là việc cần thiết, họ nên chấp nhận làm vợ lẽ còn hơn không làm vợ của ai cả. Đây chính là lí do dễ hiểu

nhất để giải thích sự khuất phục ở phụ nữ. John Stuart Mill đã chỉ ra hạn chế của luật hôn nhân của nước Anh trong thời đại Victoria. Ông coi luật hôn nhân đương thời là một trở ngại lớn đối với tiến trình giải phóng phụ nữ. Những điều khoản hà khắc của luật khiến cho người vợ được lên tiếng, không có cơ hội nào để người vợ được hạnh phúc thực sự. Từ đó, John Stuart Mill yêu cầu cải cách luật hôn nhân để biến nó thành một thoả thuận, không đặt sự hạn chế về bất kì bên nào.

Trong quan hệ gia đình, John Stuart Mill lên án sự thiên vị mọi đặc quyền cho người cha. Ông cho rằng, khi người cha có toàn quyền pháp lí với con cái, còn người mẹ thì hầu như không có chút quyền nào là điều bất công. John Stuart Mill không ủng hộ kiểu gia đình chuyên quyền, gia trưởng bởi đó sẽ là nguy cơ làm hỏng tính cách của những đứa trẻ, cung cấp một bài học vỡ lòng về sự gia trưởng đối với trẻ nhỏ. John Stuart Mill khẳng định chỉ khi gia đình được xây dựng dựa trên nền tảng sự bình đẳng giữa người cha và người mẹ thì mới có thể tạo thành một cuộc sống thường nhật của con người, và theo một ý nghĩa cao cả nhất là một môi trường nuôi dưỡng đạo đức. Như vậy, John Stuart Mill cho rằng trong gia đình, quan hệ vợ chồng bình đẳng và bền vững là điều kiện không những góp phần giải phóng phụ nữ, mà còn là môi trường nuôi dưỡng phát triển bản tính tốt đẹp của trẻ nhỏ. Bên cạnh đó, John Stuart Mill không khuyến khích tình trạng li hôn. Tuy nhiên, với ông, hôn nhân không phải là một thiết chế ràng buộc vĩnh viễn. Nếu cuộc sống gia đình không thể tiếp tục dung hòa, nếu giữa người chồng và người vợ không thể tìm được tiếng nói chung để hạnh phúc, thì li hôn là chuyện buộc phải xảy đến. Trong trường hợp này, li hôn là tích cực bởi lẽ li hôn sự giải phóng người phụ nữ. Đây là tư tưởng tiên bộ về hôn nhân và gia đình tại thời điểm đó. Trên thực tế, năm 1857, luật hôn nhân ở Anh đã được điều chỉnh, cho phép cặp vợ chồng được li hôn thông qua tòa án.

2.2.2. Vị trí và vai trò của phụ nữ trong xã hội

Ở góc độ lí luận, ông đã trả lại cho phụ nữ vị trí và vai trò mà họ xứng đáng có được. John Stuart Mill đã sử dụng học thuyết về phẩm chất tự nhiên làm cơ sở cho thuyết bình đẳng giới, giải phóng người phụ nữ. Trong tác phẩm *Sự áp bức phụ nữ*, ông cho rằng không thể căn cứ vào giới tính, chủng tộc, ngoại hình để đánh giá năng lực và phẩm chất của con người. Do đó, ông phủ nhận quan điểm ảnh hưởng của tâm vóc cơ thể đến khả năng tư duy của người phụ nữ. Bản thân ông đã có mối liên hệ tình cảm sâu sắc với Harriet, một người phụ nữ nhỏ bé về vóc dáng nhưng lại có khả năng tư duy thông minh, sắc sảo. Đối với John Stuart Mill, quan niệm bản tính của phụ nữ thấp kém hơn so với đàn ông, để từ đó tạo ra uy quyền trong một xã hội, nơi mà người phụ nữ được dạy bảo từ khi sinh ra phải hành động và suy nghĩ theo những cách cho phép là những sai lầm. Ông cho rằng nếu như tập tục xã hội áp chế lên con người thì những tập tục rập khuôn làm ngột ngạt bản chất cá nhân vẫn áp đặt lên phụ nữ nhiều hơn đàn ông. Vậy nên, John Stuart Mill đòi hỏi cần phải từ bỏ những lễ thói áp đặt lên người phụ nữ, để người phụ nữ có thể tự do phát triển phẩm chất và khả năng.

Là một học giả có trái tim nhân ái, tiên bộ, cùng với sự khơi gợi ý tưởng từ người vợ, John Stuart Mill nhận thấy rằng, sự phân chia ranh giới trong xã hội không chỉ là giữa những giai cấp, tầng lớp cùng với những vấn đề của họ, mà đơn giản chính là giữa nam giới và nữ giới. John Stuart Mill nhận thấy rằng ông cần phải chống lại các quan điểm định kiến của xã hội đương thời. Trong thời đại của John Stuart Mill, người phụ nữ có vai trò xã hội rất mờ nhạt. Họ bị đánh giá rất thấp về vị trí và năng lực. Đối với John Stuart Mill, coi phụ nữ lệ thuộc nam giới là một cách nhìn sai lầm và nguy hiểm. Theo ông, nguồn gốc dẫn đến áp bức phụ nữ là do sự chuyên quyền trong gia đình và trong xã hội. John Stuart Mill vừa nhấn mạnh sự ngang bằng giữa nam và nữ, đồng thời bênh vực cho những người phụ nữ yếu ớt cần được bảo vệ và ông khẳng định “Tháo xiềng xích cho con người là điều ích lợi cho họ, ngay cả khi họ không muốn bước chân đi nữa. Hẳn sẽ là một cải tiến lớn lao cho địa vị tinh thần của phụ nữ, khi họ không còn bị luật pháp tuyên cáo như không có khả năng có được ý kiến và không được quyền ưu tiên đối với những mối quan tâm trọng yếu nhất của nhân loại” [5].

John Stuart Mill đấu tranh đòi sự bình đẳng về vị trí và vai trò của phụ nữ trong xã hội; từ đó hướng phụ nữ hành động theo những cảm xúc cá nhân về bổn phận, hành động theo luật pháp và những chuẩn mực xã hội bởi chính lương tri họ. Sự bình đẳng sẽ mang lại cho người phụ nữ món quà về “sự ý thức trong việc sẽ điều khiển vận mệnh của chính mình bằng chính trách nhiệm đạo đức cá nhân” [4]. John Stuart Mill cho rằng khi xã hội tạo được sự bình đẳng giới thì mọi người sẽ thấy được những lợi ích từ cá nhân phụ nữ. *Tự do và bình đẳng cho phụ nữ sẽ là động lực thúc đẩy xã hội phát triển*. Ông cho rằng sức mạnh xã hội chỉ có được khi đem lại tự do cho một nửa tổng số tài năng trí tuệ của nhân loại. Các ý tưởng và tiềm năng của một nửa dân số sẽ được giải phóng, tạo ra hiệu lực rất lớn cho sự phát triển toàn nhân loại.

2.2.3. Quyền bình đẳng về chính trị của phụ nữ

Trong các quyền của phụ nữ, John Stuart Mill xác định quyền chính trị là hình thức quan trọng nhất. Ông muốn cổ vũ và khuyến khích phụ nữ hưởng đến những điều tốt đẹp trong cuộc sống. John Stuart Mill cho rằng điều quan trọng nhất mà chúng ta phải làm là khuyến khích nhiệt huyết của phụ nữ. Trong tác phẩm “*Chính thể đại diện*”, khi bàn về việc mở rộng quyền bầu cử, ông “không tính đến sự khác biệt giới tính” [5]. Theo ông, mọi người đều có cùng sự quan tâm đến chính thể tốt; và có nhu cầu được góp tiếng nói trong vấn đề ấy, để đảm bảo lợi ích cá nhân. Thế nên, nam giới hay nữ giới không có sự khác biệt nào về vị trí trong các vấn đề chính trị. “Nếu có sự khác biệt nào, thì đó là phụ nữ đòi hỏi có tiếng nói nhiều hơn nam giới, vì rằng họ có cơ thể yếu ớt hơn nên phụ thuộc vào luật pháp và xã hội nhiều hơn trong việc được bảo hộ” [5].

John Stuart Mill quan niệm những lí do người dân có thể bỏ phiếu là để bảo vệ quyền riêng và để học cách đứng trên hai chân của mình một cách có đạo đức và trí tuệ. Lập luận này được áp dụng cho cả nam và nữ. Bởi vì, “đàn ông, cũng như phụ nữ, không cần thiết có quyền chính trị để mà thống trị, nhưng là để họ không bị cai trị tệ hại” [5]. Bình đẳng về chính trị cho phụ nữ không chỉ lợi đối với chính người phụ nữ, và cũng đem lại lợi ích cho người đàn ông là chồng của cô ấy. Bởi vì, những người vợ, như là kết quả của cuộc cách mạng ngầm ngầm trong gia đình, giờ đây họ sẽ là người đồng minh quan trọng, người bạn đời tin cậy, và người cố vấn chân thành nhất của người chồng. Bình đẳng giới trong chính trị, như cách định nghĩa đơn giản của John Stuart Mill, tức là “cả hai giới phải nổi và chìm cùng nhau” [4].

John Stuart Mill không phải là một nhà lí luận thấp ngà. Trong thời gian hoạt động chính trị, ông tích cực đấu tranh trên nghị trường để dành quyền bình đẳng chính trị cho phụ nữ. Cụ thể, năm 1866, *Đơn yêu cầu quyền bầu cử* với chữ kí của 1500 phụ nữ đã được John Stuart Mill đệ trình lên Hạ viện Anh. Ông đã trình bày trước Hạ viện Anh rằng phải đánh thức quan điểm chính trị trong phụ nữ về lòng danh dự. Theo lí lẽ đó, giành quyền bầu cử sẽ là chìa khóa mở ra những cơ hội khác, những cánh cửa mới cho phụ nữ. Vậy nên, “chiến dịch” giải phóng phụ nữ của J.S.Mill tập trung chủ yếu nhất vào vấn đề đòi quyền bầu cử. Đương thời, ở Anh quốc, quyền bầu cử của nữ giới bị phủ nhận. Theo John Stuart Mill, đó là một điều phi lí, một sự mâu thuẫn được bộc lộ rõ ràng. Sự bất công đó “... được thi hành tại một đất nước mà người phụ nữ đang trị vì, rằng người cầm quyền về vang nhất mà đất nước xưa nay đã từng có là người phụ nữ, thì cái bức tranh phi lí và bất công không che đậy ấy thật toàn diện” [5]. Ông khẳng định ngay cả trong các xã hội bất bình đẳng như nước Anh và châu Âu thì vẫn nhận ra bằng chứng rằng khi cho phụ nữ cơ hội, họ có thể vượt trội hơn trên nhiều lĩnh vực như Nữ hoàng Anh Elizabeth I, Nữ hoàng Anh Victoria, hoặc nữ anh hùng Jeanne d'Arc. Một năm sau đó, trong dự thảo *Luật cải cách 1867*, John Stuart Mill có một sửa đổi nổi tiếng, thay từ người (man) bằng từ người (person), để mở rộng quyền bầu cử cho phụ nữ. Ngược dòng lịch sử, lúc Thomas Jefferson viết *Tuyên ngôn độc lập* (The Declaration of Independence, 1776) của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ [6] hay Tuyên ngôn về Nhân quyền và Dân quyền (The French Declaration of the Rights of Man and of Citizens of 1789) của Cộng hòa Pháp [7] có xác định như sau đều có xác

định nam giới là đối tượng được hưởng những quyền tự do chính trị. Điều này cho thấy, vào thời điểm đó quyền chính trị bị giới hạn, chỉ dành cho người đàn ông. Đây đóng góp vượt thời đại của John Stuart Mill khi xác định đối tượng được áp dụng quyền tự do chính trị không chỉ cho người đàn ông trưởng thành (man) mà còn giành quyền đó cho người phụ nữ. Dẫu không thành công ngay thời điểm đề trình, nhưng đó là sự nỗ lực mạnh mẽ nhất của một nghị sĩ dám đấu tranh cho quyền tự do chính trị của phụ nữ. Phải đến cuối thế kỉ XIX, mục tiêu đòi quyền bầu cử cho nữ giới mới được thực hiện ở một số quốc gia, cụ thể: New Zealand (năm 1893); Finland (năm 1906); Anh, Canada và Nga (năm 1917); Mỹ (năm 1920).

Như vậy, bằng tất cả nỗ lực và nhiệt huyết, John Stuart Mill đã truyền thêm sức mạnh cho phong trào đấu tranh giải phóng phụ nữ trong phạm vi gia đình và trên bình diện xã hội - chính trị. Thuyết bình đẳng giới chính là sự bổ sung và hoàn thiện tư tưởng tự do trong triết học chính trị của ông.

2.3. Ý nghĩa tư tưởng của John Stuart Mill về nữ quyền và bình đẳng giới đối với việc thực hiện quyền phụ nữ và quyền phụ nữ ở Việt Nam hiện nay

Bằng những hoạt động lí luận và thực tiễn, John Stuart Mill đã đấu tranh cho quyền bình đẳng giới. Ông coi đây nhu cầu bức thiết của nhân loại tiến bộ nói chung và phụ nữ nói riêng trong cuộc đấu tranh vì quyền tự do, bình đẳng của con người. Điều đáng lưu ý là trong khi hầu như các học giả nổi tiếng cùng thời đều ngăn cản bình đẳng giới thì John Stuart Mill lại dành cho vấn đề này một sự ủng hộ nhiệt thành nhất. Điều này khiến cho tư tưởng ủng hộ bình đẳng giới của ông đã phải chịu sự chỉ trích và lên án nặng nề từ dư luận xã hội, từ những tác giả cùng thế hệ. Cụ thể, năm 1868, John Proctor đã vẽ một bức tranh với tựa đề “*Quý bà Mill tham gia nhóm quý bà*” (Miss Mill joins the Ladies) để chế nhạo thậm tệ vì nỗ lực của ông bảo vệ cho những quyền của nữ giới [8]. Năm 1869, cùng với việc xuất bản “*Sự áp bức phụ nữ*”, cuốn sách được coi kinh thánh của phong trào nữ giới. Các ấn bản đều được bán hết trong năm đầu tiên xuất bản và ngay lập tức được dịch sang các tiếng Pháp, Đan Mạch, Đức, Ý, Ba Lan và Nga. Cuốn sách của ông là một trong những tác phẩm bằng văn bản sớm nhất về đề tài nữ giới của một tác giả nam giới. Sau đó, John Stuart Mill đã cùng với những người bạn đồng chí hướng tổ chức buổi hội nghị đầu tiên của Hội quốc gia vì quyền bầu cử của phụ nữ. Trong bài phát biểu khai mạc hội nghị, chủ tịch hội là bà Clementia Taylor đã cho rằng, thành công của Hội phần nhiều đều do sự ủng hộ dũng cảm và nhiệt huyết của John Stuart Mill. Đại diện cho những người phụ nữ, Clementia Taylor bày tỏ: “Mỗi người phụ nữ Anh đều nợ John Stuart Mill một lòng biết ơn sâu sắc” [9]. Điều này cho thấy tư tưởng quyền bình đẳng giới không chỉ có giá trị trong thời đại Victoria mà trong phong trào đấu tranh đòi bình quyền của phụ nữ ở thế kỉ XX, và hiện nay. Lí thuyết về lịch sử của phong trào phụ nữ gồm ba giai đoạn phát triển, hay gọi là các làn sóng nữ quyền: *Làn sóng thứ nhất* (The First Wave of Feminism) từ khoảng năm 1848 đến 1918, *Làn sóng thứ hai* (The Second Wave of Feminism) từ 1918 đến 1968 và *Làn sóng thứ ba* (The Third Wave of Feminism) từ 1968 đến nay. Trong đó, giai đoạn đầu - làn sóng nữ quyền thứ nhất chính là cơ sở nền tảng quan trọng, khơi nguồn cho sự phát triển bùng nổ của các giai đoạn tiếp theo. Đối với giai đoạn đầu, linh hồn và “người cha” tư tưởng của phong trào đòi quyền bình đẳng cho nữ giới chính là John Stuart Mill. Ngày nay, đặt bên cạnh phần mộ của John Stuart Mill ở Avignon là một tấm bảng khắc đồng chữ “Bằng tất cả sự kính trọng John Stuart Mill, người bảo vệ phụ nữ” [10].

Cuộc đấu tranh vì nữ quyền và bình đẳng giới ban đầu từ cấp độ quốc gia rồi trở thành phong trào quốc tế; lĩnh vực triết học sang lĩnh vực pháp lí thực tiễn, dẫn đến sự ra đời của pháp luật quốc tế. Đầu thế kỉ XX, Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) đã ban hành nhiều công ước về quyền con người, trong đó có vấn đề bình đẳng giới và bảo vệ quyền phụ nữ. Đặc biệt, trong lời nói đầu của Hiến chương Liên hiệp quốc năm 1945 đã nêu “khẳng định lại sự tin tưởng vào những quyền cơ bản của con người, vào nhân phẩm và giá trị của con người, vào quyền bình

đẳng giữa nam và nữ...” [11]. Năm 1948, trong *Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền* xác lập nguyên tắc nền tảng là tất cả mọi người đều được hưởng các quyền và tự do một cách bình đẳng, không có bất cứ sự phân biệt nào về giới tính đã ghi nhận vấn đề nữ quyền và bình đẳng giới tại Điều 2, Khoản 1 Điều 16, Khoản 2 Điều 25 [12]. Tiếp theo, các điều ước quốc tế đã được Liên hợp quốc thông qua nhằm bảo vệ phụ nữ và trẻ em gái, bao gồm *Công ước về trấn áp việc buôn người và bóc lột mại dâm người khác* năm 1949; *Công ước về các quyền chính trị của phụ nữ* năm 1952; *Công ước về quốc tịch của phụ nữ khi kết hôn* năm 1957; *Công ước về đăng kí kết hôn, tuổi tối thiểu khi kết hôn và việc kết hôn tự nguyện* năm 1962... Nguyên tắc bình đẳng giới cũng được khẳng định trong cả hai công ước quốc tế về quyền con người năm 1966 là *Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị* và *Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa*. Đặc biệt, với *Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ* năm 1979 không chỉ khẳng định lại bình đẳng giới trong hôn nhân gia đình, quan hệ dân sự, lao động việc làm, đời sống chính trị, giáo dục đào tạo... mà còn đề xuất những cách thức, biện pháp nhằm loại trừ sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ trong việc hưởng thụ các quyền con người mà họ đã được thừa nhận. Các công ước trên được hầu hết các quốc gia trên thế giới tham gia kí kết và thực hiện. Trong luật pháp của mỗi quốc gia, vấn đề bình đẳng giới được coi như một tiêu chí của dân chủ, công bằng, văn minh.

Vấn đề quyền phụ nữ và bình đẳng giới được Đảng và Nhà nước ta quan tâm từ rất sớm. Năm 1930, trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng Cộng sản Việt Nam - đã khẳng định mục tiêu đấu tranh cho nam nữ bình quyền. Cùng năm đó, *Hội Phụ nữ cứu quốc* (tiền thân của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam) đã được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thành lập, trở thành một trong những tổ chức xã hội của phụ nữ lâu đời nhất trên thế giới. Từ khi giành được độc lập năm 1945 đến nay, việc bảo đảm quyền bình đẳng nam nữ và giải phóng phụ nữ luôn là chính sách nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam, được thể chế hóa trong hệ thống pháp luật của Nhà nước ta. Ngay trong *Sắc lệnh số 14* ban hành ngày 18/9/1945, một trong những văn bản pháp luật đầu tiên của Nhà nước Việt Nam mới đã quy định quyền bình đẳng của phụ nữ trong vấn đề bầu cử. Trong *Lời nói đầu* của Hiến pháp năm 1946, Nhà nước ta đã xác định một trong ba nguyên tắc cơ bản của Hiến pháp là “đoàn kết toàn dân không phân biệt giống nòi, gái trai, giai cấp, tôn giáo”. Trên cơ sở đó, Điều 1 Hiến pháp năm 1946 khẳng định: “Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hoà. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”. Quy định này đã tạo nên một bước ngoặt lớn trong sự phát triển của tư tưởng dân chủ, rút ngắn khoảng cách phân biệt đối xử giữa nam và nữ trên thực tế. Bên cạnh đó, quyền bình đẳng trước pháp luật của mọi công dân được Hiến pháp năm 1946 cụ thể hoá tại Điều 6 như sau: “Tất cả công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện: chính trị, kinh tế, văn hoá”, đồng thời, Điều 9 Hiến pháp năm 1946 khẳng định: “đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện” [13]. Những quy định kể trên đã đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại về địa vị pháp lí của phụ nữ Việt Nam. Lần đầu tiên trong lịch sử, phụ nữ Việt Nam được pháp luật thừa nhận và bảo đảm có những quyền bình đẳng với nam giới trên tất cả các lĩnh vực. Nếu so sánh với pháp luật quốc tế, thì thấy bình đẳng giới trong Hiến pháp 1946 của Việt Nam có tiến bộ vượt bậc. Bình đẳng nam nữ (trên tất cả các phương diện) được khẳng định ngay từ Hiến pháp năm 1946, khi nước Việt Nam mới được thành lập. Trong khi đó, tính từ thời điểm Hiến pháp Hoa Kỳ được ban hành (1789), phải 133 năm sau (1920), ở Hoa Kỳ, phụ nữ mới được ghi nhận có quyền bình đẳng với nam giới về bầu cử và ứng cử. Năm 1971, phụ nữ ở Thụy Sĩ mới được ghi nhận những quyền này còn phụ nữ ở Kuwait mãi đến năm 1991 mới được quyền bầu cử. Đó là chưa kể một số quốc gia, cho đến thời điểm hiện nay, pháp luật vẫn chưa ghi nhận phụ nữ có các quyền bình đẳng quan trọng này.

Vấn đề bình đẳng giới và quyền phụ nữ được quy định trong Hiến pháp đã được cụ thể hóa trong các văn bản pháp luật như: *Luật Bình đẳng giới*, *Bộ luật Dân sự*, *Luật Bảo hiểm xã hội*, *Bộ luật Lao động*, *Luật Hôn nhân và gia đình*, *Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội*, *Luật Bầu cử đại*

biểu Hội đồng nhân dân, Luật Cư trú, Bộ luật Hình sự, Luật Phòng chống bạo lực gia đình, Luật Quốc tịch... Trong đó, quyền của phụ nữ Việt Nam trong các văn bản pháp luật đều thể hiện rõ hai yếu tố căn bản đó là “bình đẳng và ưu tiên”. Có những quyền được pháp luật xây dựng bảo đảm quyền bình đẳng giữa nam và nữ trước pháp luật nhằm xoá bỏ sự phân biệt đối xử trong công việc, trong đời sống chính trị, kinh tế và trong đời sống gia đình. Còn quyền ưu tiên (trong việc tuyển dụng, sắp xếp công việc, nghỉ hưu...) có tác dụng tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ thể hiện khả năng của mình với việc đóng góp ngày càng nhiều cho gia đình, xã hội, đồng thời tránh rủi ro trong nghề nghiệp, trong cuộc sống gia đình và xã hội.

3. Kết luận

Trong lịch sử triết học phương Tây, đến thời kì Khai sáng, các triết gia mới tiếp cận vấn đề bình đẳng giới như một trong những tiêu chí căn cốt của xã hội tiến bộ. Tuy nhiên, phải đến John Stuart Mill, vấn đề nữ quyền và bình đẳng giới mới chính thức trở thành vấn đề chính trị - xã hội, được luận bàn trong nhiều tác phẩm và tranh luận sôi nổi trong những buổi nghị sự. Quan điểm của John Stuart Mill về nữ quyền và bình đẳng giới được thể hiện trong các tác phẩm, tiêu biểu như “*Sự xác minh những quyền của phụ nữ*”, “*Bàn về tự do*”, “*Chính thể đại diện*”, “*Sự áp bức phụ nữ*”. John Stuart Mill đã luận bàn vấn đề bình đẳng giới trong hôn nhân, gia đình và xã hội. Bằng cả hoạt động lí luận và thực tiễn, ông đấu tranh cho quyền bình đẳng về chính trị của phụ nữ. Với tinh thần lạc quan, John Stuart Mill tin rằng xu hướng vận động của lịch sử nhân loại sẽ khẳng định những quyền ưu tiên cho phụ nữ và khi mọi xã hội đều trở nên tiến bộ thì bình đẳng giới sẽ được thiết lập. Với tất cả những tư tưởng tiến bộ đó của John Stuart Mill có ý nghĩa rất thiết thực trên phương diện lí luận và thực tiễn đấu tranh bình đẳng giới và nữ quyền hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Roland N. Stromberg, 1968. *European intellectual history since 1789*, Appleton Century Crofts (Educational Division – Meredith Corporation), New York, tr.82.
- [2] C.Mác và Ph. Ăngghen, 2001. *Toàn tập - tập 2* (2001). Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.339, 339, 338, 479.
- [3] C.Mác và Ph. Ăngghen, 2001. *Toàn tập - tập 13* (2001). Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.282.
- [4] John Stuart Mill, 1981. *The Collected Works of John Stuart Mill*, University of Toronto Press (Canada), Routledge & Kegan Paul (London - England), vol 20, tr.42, 337, 56.
- [5] John Stuart Mill, 1861. *Chính thể đại diện*. Nxb Tri thức, Hà Nội, Nguyễn Văn Trọng dịch, bản dịch năm 2016, tr.276, 274, 274, 276, 279.
- [6] Matthew Spalding, 2009. *The Declaration of Independence: The Constitution of the United States*, publisher by Heritage Foundation, The United States of America, tr.1.
- [7] Vincent Robert Johnson, 1990. *The French Declaration of the Rights of Man and of Citizens of 1789, the Reign of Terror, and the Revolutionary Tribunal of Paris*, publisher by Boston College, The United States of America, tr.35.
- [8] <https://www.npg.org.uk/collections/search/portrait/mw115688/Miss-Mill-joins-the-Ladies-Edward-John-Eyre-Robert-Wellesley-Grosvenor-2nd-Baron-Ebury-William-Henry-Smith-John-Stuart-Mill>.
- [9] John Stuart Mill, 1981. *The Collected Works of John Stuart Mill*, University of Toronto Press (Canada), Routledge & Kegan Paul (London - England), vol 29, tr.373.

- [10] Ngô Thị Như, 2013. *Triết học chính trị của John Stuart Mill – Giá trị và bài học lịch sử*. Luận án Tiến sĩ Triết học, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; tr.174.
- [11] <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/Hien-Chuong-Lien-hop-quoc-1945-229045.aspx>
- [12] <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/quyen-dan-su/Tuyen-ngon-quoc-te-nhan-quyen-1948-65774.aspx>
- [13] http://moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=536

ABSTRACT

Feminism and gender equality in the Philosophy of John Stuart Mill

Nguyen Thi Xiem

Faculty of Pedagogy, Hanoi Metropolitan University

Feminism is a philosophical-political movement that emerged in Western countries in the 19th century with the aim of ensuring civil and political rights for women. By the mid-20th century, this movement was officially codified in the United Nations Charter, making feminism an essential part of human rights. As a result, studying feminism is a matter of great significance, contributing further research on feminism as well as ensuring gender equality in Vietnam. In the study, the author meticulously explored and analyzed the ideal of John Stuart Mill on gender equality and feminism as well as examined the practical significance of these values in advancing gender equality and women's rights in Vietnam.

Keywords: feminism, gender equality, the philosophy of John Stuart Mill.